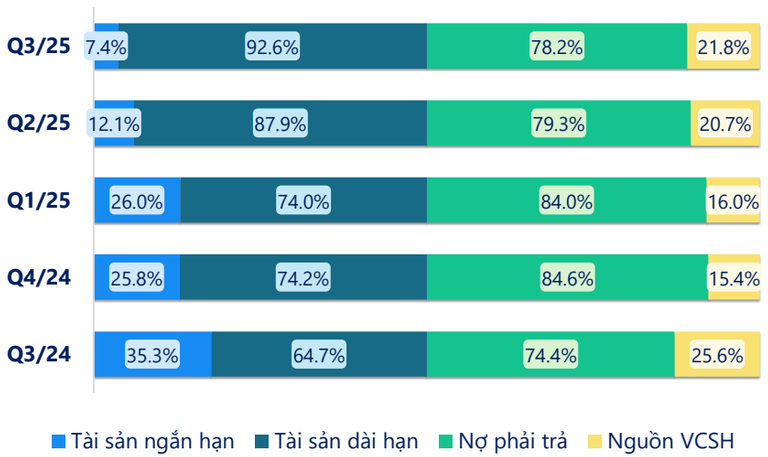
FireAnt

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (HSX: NTC)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	161,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	231,613
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	124,492
SL cổ phiếu LH	23,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	31,090
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,881
P/E	9.3
EPS	17,325

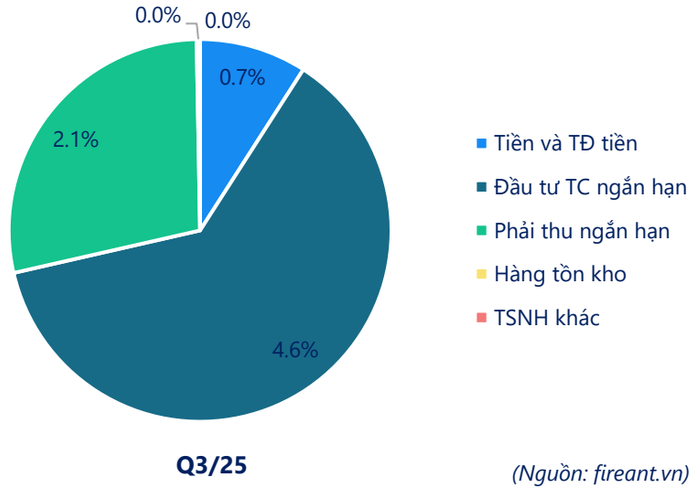
	YTD	1T	3T	6T
NTC	-21.3%	0.2%	2.3%	-27.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



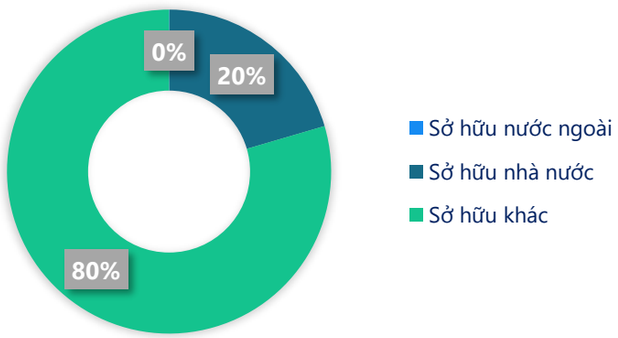
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



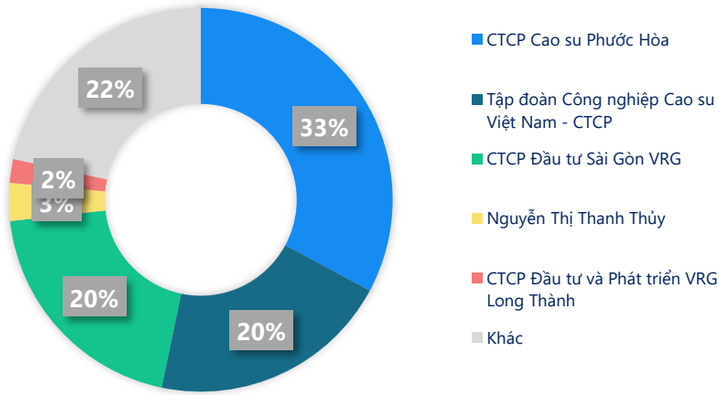
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



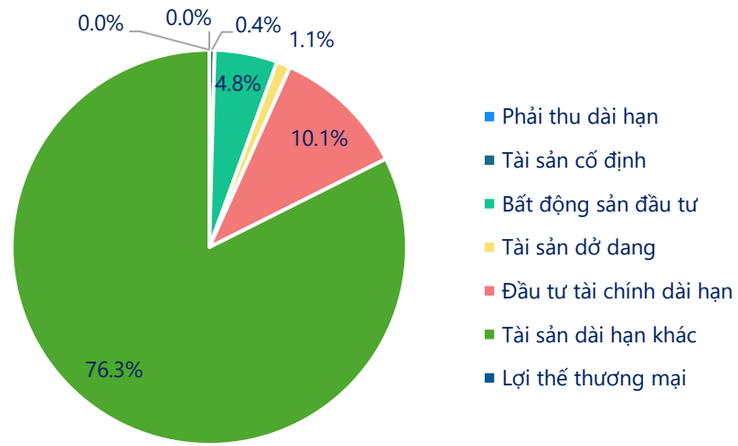
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

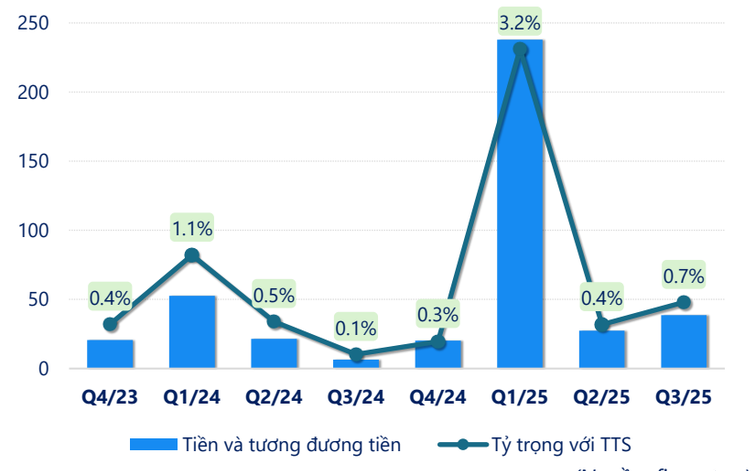


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

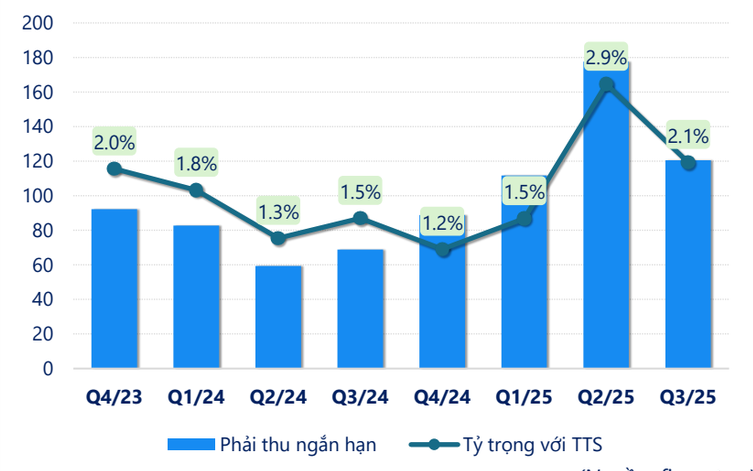
CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (HSX: NTC)

Tiền và tương đương tiền



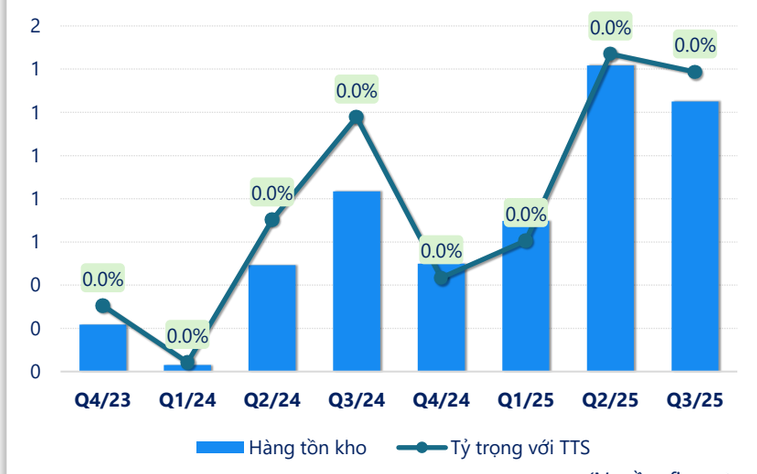
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



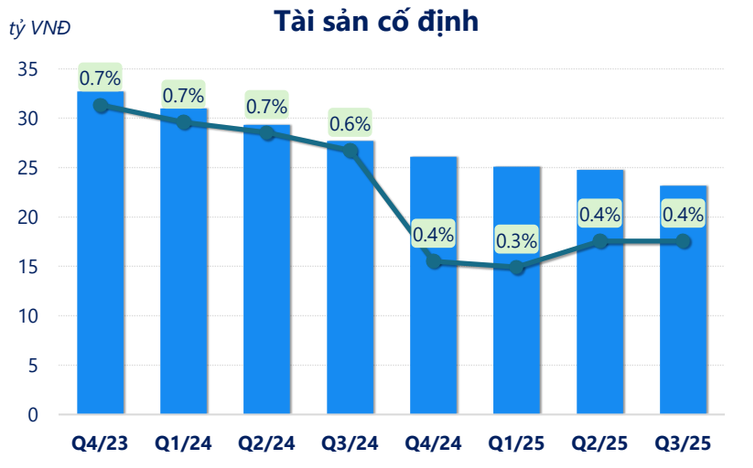
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



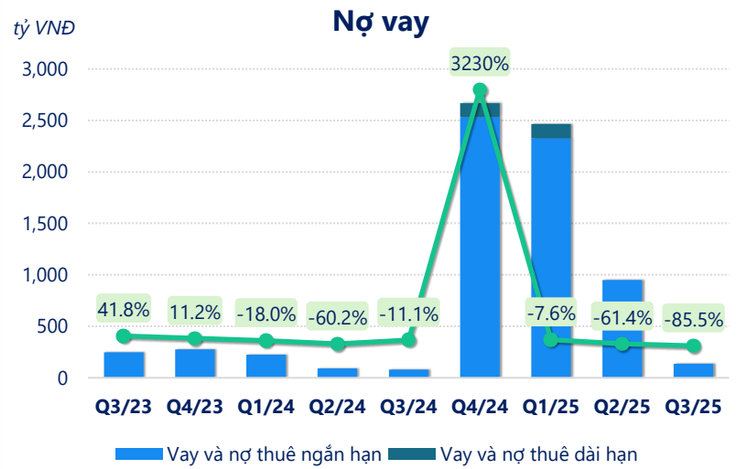
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



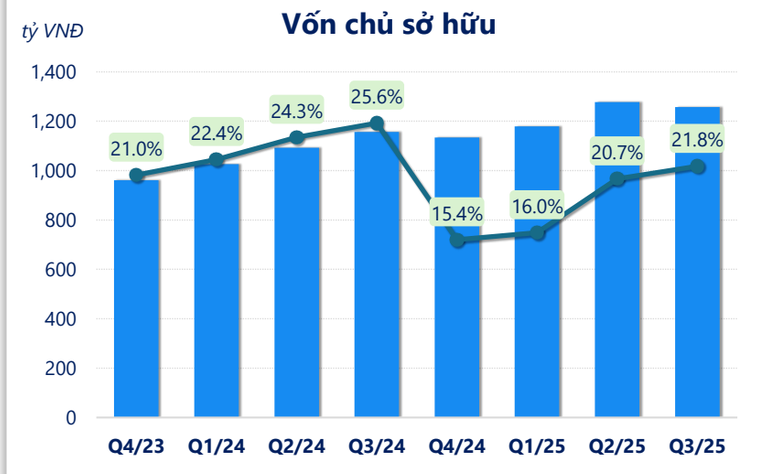
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

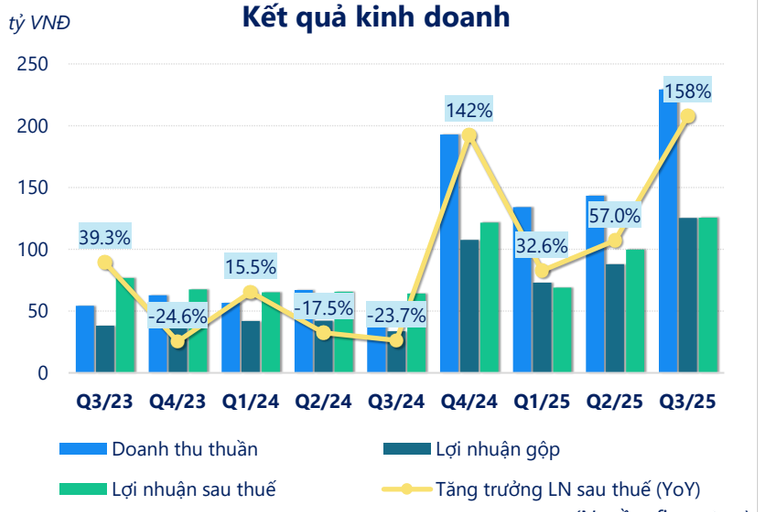


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

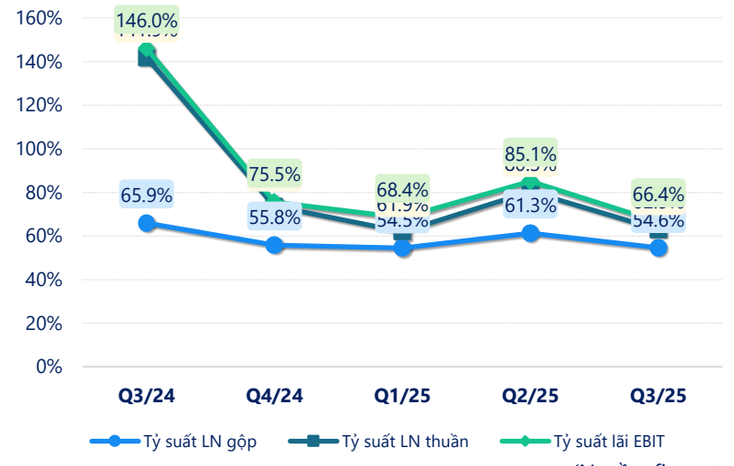
CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (HSX: NTC)

Kết quả kinh doanh



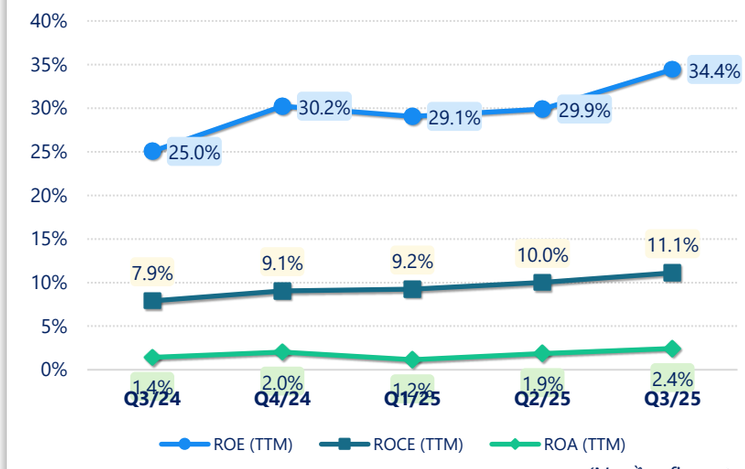
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



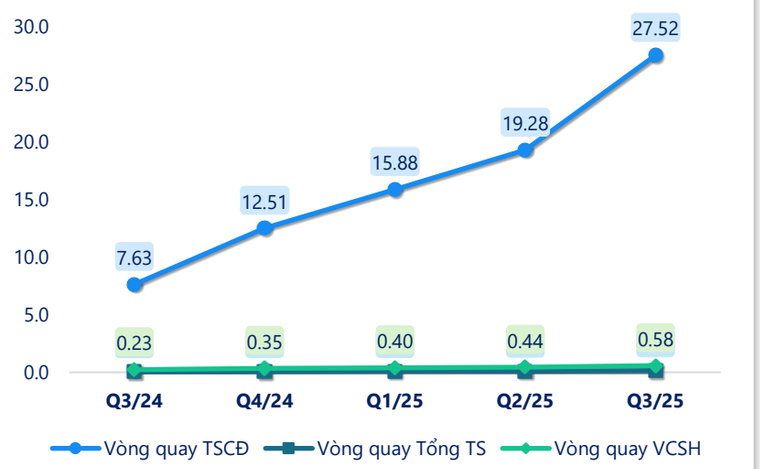
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



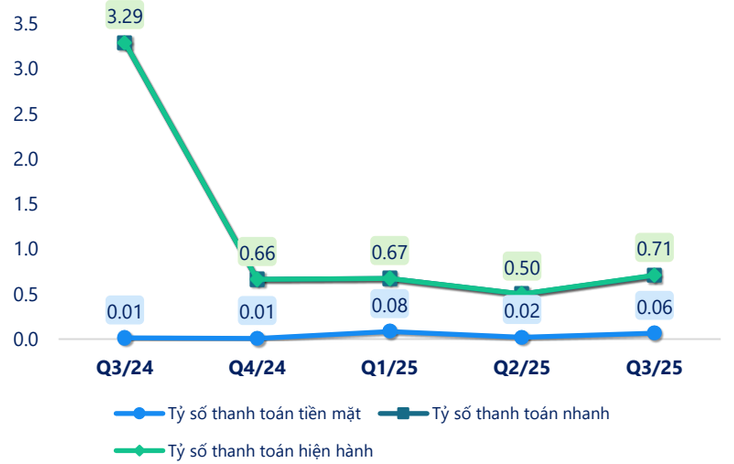
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



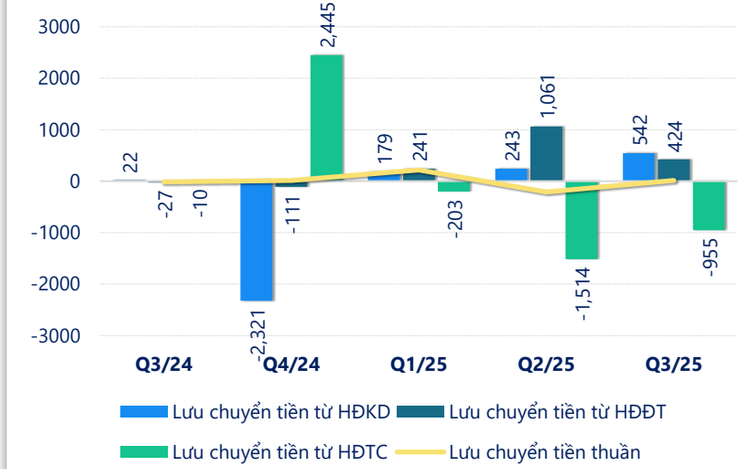
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (HSX: NTC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,767**	**7,357**	**-21.6%**
Tài sản ngắn hạn	426	1,905	-77.6%
Tiền và tương đương tiền	38.7	20.2	91.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	266	1,779	-85.1%
Phải thu ngắn hạn	120	88.8	35.6%
Hàng tồn kho	1.25	0.79	58.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0	15.7	-100%
Tài sản dài hạn	**5,342**	**5,452**	**-2.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	23.2	26.1	-11.3%
Bất động sản đầu tư	275	300	-8.3%
Tài sản dở dang	60.6	25.4	139%
Đầu tư tài chính dài hạn	582	583	-0.2%
Tài sản dài hạn khác	**4,401**	**4,518**	**-2.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,510	6,246	-27.8%
Nợ ngắn hạn	**602**	**2,866**	**-79.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	138	2,530	-94.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.15	2.64	-18.4%
Nợ dài hạn	3,908	3,379	15.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	138	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,258**	**1,111**	**13.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,258**	**1,111**	**13.2%**
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	51.2	193	134	143	229
Giá vốn hàng bán	17.5	85.4	61.1	55.4	104
Lợi nhuận gộp	33.8	108	73.0	87.8	125
Doanh thu HĐTC	48.6	59.1	22.3	42.9	37.2
Chi phí TC	1.03	3.41	6.38	6.71	4.01
Chi phí lãi vay	0.94	2.57	5.45	4.21	1.81
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.70	2.51	0.91	0.12	0.77
Chi phí QLDN	7.92	18.7	5.04	8.79	13.4
LN thuần từ HĐKD	72.7	142	83.0	115	144
Lợi nhuận khác	1.16	0.98	3.25	2.58	6.32
LN trước thuế	73.9	143	86.3	118	151
Lợi nhuận sau thuế	64.2	122	69.0	99.7	126
LNST của CĐ cty mẹ	64.2	122	69.0	99.7	126

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.2	-2,321	179	243	542
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-27.1	-111	241	1,061	424
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.0	2,445	-203	-1,514	-955
Tiền đầu kỳ	21.4	6.52	20.2	238	27.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-14.9**	**13.7**	**218**	**-210**	**11.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	6.52	20.2	238	27.5	38.7

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic